ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN, HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH

B

Mảnh 1

Mảnh 2

QH - 01

BẢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Theo QĐ số 2678/QĐ-UBND ngày 05/11/2021		Dự kiến điều chỉnh đến năm 2030				
		Diện tích (ha)	Thôn	Ký hiệu ô đất	Diện tích (ha)	Định hướng điều chỉnh	Địa điểm	Thôn
1	Xây dựng trụ sở công an xã	0,14	Nghĩa Hương	CAN-01	0,12	Điều chỉnh vị trí, quy mô diện tích	Phía Đông Nam trạm y tế xã	Đại Điền
2	Xây dựng căn cứ quân sự hậu phương	13,37	Tân Khánh	CQP-01	13,37	Giữ nguyên theo QH	Núi chùa	Tân Khánh
3	Quy hoạch xây dựng chợ Vàng	0,40	Đại Điền	DCH-01	0,40	Giữ nguyên theo QH	Thuyền Trong	Đại Điền
4	Mở rộng khu di tích đền thờ Quốc Mẫu	0,40	Nghĩa Hương	TIN-01	0,40	Giữ nguyên theo QH	Bãi Sờ	Nghĩa Hương
5	Mở rộng trường Mầm non Hoằng Khánh	0,20	Đại Điền	DGD-01	0,20	Giữ nguyên theo QH	Núi chùa	Đại Điền
6	Mở rộng trường THCS Hoằng Khánh cũ	0,49	Đại Điền	DGD-02	0,49	Giữ nguyên theo QH	Chân núi	Đại Điền
7	Mở rộng trường THCS Hoằng Xuân cũ	0,40	Nghĩa Hương	DGD-03	0,40	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Nghĩa Hương
8	QH Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao	3,00	Tân Khánh	DKV-01	3,00	Giữ nguyên theo QH	Cầu Quế; La Tô	Tân Khánh
9	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Hoằng Khánh huyện Hoằng Hóa của công ty TNHH Ecotech Thanh Hóa	4,57	Trà La	DRA-01	4,57	Giữ nguyên theo QH	Khu vực giáp Sông Lèn	Trà La
10	Bãi chu chuyển cho các thôn Nghĩa Hương, Mỹ Cầu, Nga Phú 1, Nga Phú 2 và Hữu Khánh.	0,12	Nghĩa Hương	DRA-02	0,12	Giữ nguyên theo QH	Bãi Ngang	Nghĩa Hương
11	QH Nhà điều hành Trạm bơm	0,33	Đại Điền	DTL-01	0,33	Giữ nguyên theo QH	Chợ Cầu Vàng	Đại Điền
12	QH sân thể thao thôn	0,13	Trà Sơn	DTT-06	0,13	Giữ nguyên theo QH	Giữa Đồng	Trà Sơn
13	QH sân thể thao thôn	0,43	Nghĩa Hương	DTT-07	0,57	Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích	Khu công sở cũ	Nghĩa Hương
14	QH sân thể thao thôn	0,20	Mỹ Cầu	DTT-04	0,20	Giữ nguyên theo QH		Mỹ Cầu
15	QH sân thể thao thôn	0,21	Tân Khánh	DTT-01	0,21	Giữ nguyên theo QH	Đồng Giất	Tân Khánh
16	QH sân thể thao thôn	0,20	Kênh Thôn	DTT-02	0,20	Giữ nguyên theo QH	Khu ao trước làng	Kênh Thôn
17	Mở rộng sân thể thao thôn	0,21	Xuân Phú	DTT-03	0,21	Giữ nguyên theo QH	Sau sân thể thao cũ	Xuân Phú
18	QH sân thể thao thôn	0,29	Nga Phú 2	DTT-05	0,29	Giữ nguyên theo QH	Đối diện NVH	Nga Phú 2
19	Khu dân cư nông thôn	0,53	Đại Điền	OM-10	0,53	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Đại Điền
20	QH Nhà văn hoá	0,05	Trà Sơn		0,05	Giữ nguyên theo QH	Giữa Đồng	Trà Sơn
21	QH Nhà văn hoá	0,05	Nghĩa Hương	DVH-03	0,05	Giữ nguyên theo QH	khu công sở cũ	Nghĩa Hương
22	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	1,63	Trà Sơn	NKH-01, NKH-02	1,63	Giữ nguyên theo QH	Gốc, Mãm Y Thợi	Trà Sơn
23	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,84	Trà Sơn	NKH-03	0,84	Giữ nguyên theo QH	Đồng Vận	Trà Sơn
24	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,72	Trà Sơn	NKH-04	0,72	Giữ nguyên theo QH	Đồng Làng	Trà Sơn
25	Trang trại tổng hợp	23,82	Nghĩa Hương; Nga Phú 1	NKH-05,NKH-06,NKH-07,NKH-08,NKH-09,NKH-10	23,82	Giữ nguyên theo QH	Đồng Quịch - Bàn Cờ	Nghĩa Hương; Nga Phú 1
26	Quy hoạch vùng phát triển trang trại sinh thái	7,12	Mỹ Cầu	NKH-11	7,12	Giữ nguyên theo QH	Cồn Ói	Mỹ Cầu
27	Mở rộng Nghĩa địa Nga Phú 1, Nga Phú 2, nghĩa Hương	2,57	Nga Phú 1; Nga Phú 2	NTD-03,NTD-04	2,57	Giữ nguyên theo QH	Đồng Kênh	Nga Phú 1; Nga Phú 2
28	Mở rộng nghĩa địa Kênh Thôn	0,50	Kênh Thôn	NTD-01	0,50	Giữ nguyên theo QH	Bái Ao	Kênh Thôn
29	Mở rộng nghĩa địa Hữu Khánh	0,37	Hữu Khánh	NTD-02	0,37	Giữ nguyên theo QH	Mã Bao	Hữu Khánh
30	Nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả	16,94	Nga Phú 1; Nga Phú 2; Nghĩa	NTS-01	16,94	Giữ nguyên theo QH	Đồng Lầy	Nga Phú 1; Nga Phú 2;
31	Khu dân cư nông thôn	2,08	Đại Điền	OM-01	2,08	Giữ nguyên theo QH	Mã Nanh	Đại Điền
32	Khu dân cư nông thôn	5,31	Đại Điền	OM-02	2,92	Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích	Thuyền Trong	Đại Điền
33	Khu dân cư nông thôn	2,23	Đại Điền	OM-03	2,23	Giữ nguyên theo QH	Bắc Kênh N1	Đại Điền
34	Khu dân cư nông thôn	1,59	Tân Khánh	OM-04	1,59	Giữ nguyên theo QH	Cồn Quế	Tân Khánh
35	Khu dân cư nông thôn	6,66	Tân Khánh; Kênh Thôn	OM-05	6,66	Giữ nguyên theo QH	La Tô	Tân Khánh; Kênh Thôn
36	Khu dân cư nông thôn	2,27	Nga Phú 2	OM-06,OM-07	2,27	Giữ nguyên theo QH	Đồng Kênh	Nga Phú 2
37	Khu dân cư nông thôn	1,91	Nga Phú 1	OM-09	4,30	Điều chỉnh vị trí, quy mô diện tích	Bắc kênh N3	Nga Phú 2
38	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,50	Mỹ Cầu	SKC-06	0,50	Giữ nguyên theo QH	Khu đầu làng	Mỹ Cầu
39	Vị trí 2: Tiếp giáp Khu vực động Trung phía sau nhà máy phân bón Thành Nông	10,78	Nghĩa Hương	SKC-01,SKC-02,SKC-03	10,78	Giữ nguyên theo QH	Đồng Trung	Nghĩa Hương
40	Mở rộng nhà máy nước sạch	1,67	Nghĩa Hương	SKC-04,SKC-05	1,67	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Nghĩa Hương
41	Mở rộng khu di tích tâm linh Phủ Vàng	3,00	Đại Điền	DDT-01	3,00	Giữ nguyên theo QH	Núi Chùa	Đại Điền
42	QH Khu TMDV tổng hợp	1,64	Đại Điền	TMD-02	1,64	Giữ nguyên theo QH	Thuyền Trong	Đại Điền
43	QH Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,33	Nga Phú 2	TMD-01	0,33	Giữ nguyên theo QH	Giáp đường Kim Xuân	Nga Phú 2

Bảng tổng hợp chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Theo QĐ số 2678/QĐ-UBND ngày 05/11/2021		Dự kiến điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030		So sánh tăng (+), giảm (-)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên	**1.346,02**	**100,00**	**1.346,02**	**100,00**	0
1	**Đất nông nghiệp**	**814,29**	**60,50**	**814,29**	**60,50**	0
1.1	Đất trồng lúa	142,55	10,59	142,55	10,59	0
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	120,97	8,99	120,97	8,99	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	34,96	2,60	34,96	2,60	0
1.4	Đất rừng sản xuất	455,28	33,82	455,28	33,82	0
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	23,86	1,77	23,86	1,77	0
1.6	Đất nông nghiệp khác	36,67	2,72	36,67	2,72	0
2	**Đất xây dựng**	**301,60**	**22,41**	**301,60**	**22,41**	0
2.1	Đất ở tại nông thôn	106,00	7,88	106,00	7,88	0
2.2	Đất xây dựng công trình công cộng (Đất xây dựng trụ sở cơ quan; cơ sở y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa; đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện …)	8,09	0,60	7,97	0,60	-0,12
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	6,48	0,48	6,62	0,48	0,14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	3,93	0,29	3,93	0,29	0
2.5	Đất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	24,86	1,85	24,86	1,85	0
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng					0
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác (Đất xây dựng cơ sở kinh doanh; cơ sở dịch vụ xã hội, khoa học - công nghệ; cơ sở ngoại giao, xây dựng các công trình sự nghiệp khác, đất thương mại dịch vụ.....)	4,82	0,36	4,82	0,36	0
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	134,61	10,00	134,61	10,00	0
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất					0
2.10	Đất quốc phòng	12,67	0,94	12,67	0,94	0
2.11	Đất an ninh	0,14	0,01	0,12	0,01	-0,02
3	**Đất khác**	**230,13**	**17,10**	**230,13**	**17,10**	0
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	171,10	12,71	171,10	12,71	0
3.2	Đất chưa sử dụng	59,03	4,39	59,03	4,39	0

HUYỆN HÀ TRUNG

HUYỆN YÊN ĐỊNH

HUYỆN HẬU LỘC

XÃ HOẰNG PHƯỢNG

XÃ HOẰNG TRUNG

XÃ HOẰNG KIM

XÃ HOẰNG PHƯỢNG

SÔNG LÈN

SÔNG MÃ

Đi huyện Thiệu Hoá

Đi xã Hoằng Phượng

Đi xã Hoằng Kim

Ranh giới khu công nghiệp

THÔN TRÀ LA

THÔN TRÀ SƠN

THÔN ĐẠI ĐIỀN

THÔN TÂN KHÁNH

THÔN KÊNH THÔN

THÔN HỮU KHÁNH

THÔN MỸ CẦU

THÔN NGHĨA HƯƠNG

THÔN NGA PHÚ 1

THÔN NGA PHÚ 2

THÔN XUÂN PHÚ

Đồng Lá Sơn

Đồng Gốc và Mãm Y Thợi

Đồng Mã Nanh

Đồng Giất

Đồng Ó Gà

Đồng Thuyền Trong

Đồng Bồng Mặt

Đồng Cồn Cậu

Đồng Bàn Thờ

Đồng Mã Bao

Đồng Cồn Quế

Đồng Ao

Đồng Màu

Đồng Kênh

Đồng Lá Tô

Đồng Bàu

Đồng Bãi Sờ

Đồng Bãi Ngang

Đồng Quịch

Đồng Bàn Cờ

Đồng Cồn Cỏ

Đồng Lầy

Nhà máy nước sạch

C.T.C.P phân bón Thành Nông

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH 01: CHUYỂN 1 PHẦN QH ĐẤT Ở SANG VỊ TRÍ MỚI

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH 02: BỔ SUNG VỊ TRÍ QH ĐẤT CÔNG AN XÃ

NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH 01: BỔ SUNG VỊ TRÍ QUY HOẠCH ĐẤT Ở MỚI

ĐH-01

ĐH-02

ĐH-03

ĐH-04

ĐH-05

ĐH-06

ĐH-07

ĐH-08

ĐH-09

ĐH-10

ĐƯỜNG NỐI QUỐC LỘ 10

BẢNG KÝ HIỆU

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG 2021	QUY HOẠCH NGẮN HẠN 2025	QUY HOẠCH DÀI HẠN 2030	CÁC KÝ HIỆU KHÁC
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP				RANH GIỚI HUYỆN
Đất trồng lúa				RANH GIỚI XÃ
Đất trồng cây hàng năm khác				ĐƯỜNG KHÁC
Đất trồng cây lâu năm				CẦU, CỐNG QUA ĐƯỜNG
Đất trồng cây lâm nghiệp				MẶT CẮT GIAO THÔNG
Đất trồng đặc dụng				HƯỚNG THOÁT NƯỚC
II. ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN				ĐỈNH ĐỒI, CAO ĐỘ
Đất nuôi trồng thủy sản				NHÀ VĂN HÓA, THƯ VIỆN, CLB, NHÀ HÁT
Đất làm muối				DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
Đất rừng sản xuất				TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
III. ĐẤT XÂY DỰNG				TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
Đất ở				TRƯỜNG TIỂU HỌC
Đất công cộng				TRƯỜNG MẦM NON
Đất cây xanh, thể dục thể thao				TRẠM Y TẾ
Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền				TRẠM BIÊN PHÒNG
Đất công nghiệp, TTCN, làng nghề				KHU CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
Đất thương mại và DV phi lâm nghiệp				TRẠM THU PHÁT SÓNG THÔNG TIN
Đất cây cảnh, dịch vụ khác				TRỤ SỞ
Đất hạ tầng kỹ thuật				NHÀ SÁCH, VĂN HÓA
Đất xây dựng trụ sở, văn phòng				
Đất hạ tầng kỹ thuật khác				
Đất hạ tầng phục vụ sản xuất				
Đất quốc phòng, an ninh				
IV. ĐẤT KHÁC				
Đất sông ngòi, kênh rạch, Mặt nước chuyên dùng				
Đất chưa sử dụng				

CHÚ THÍCH:

KÍ HIỆU LÔ ĐẤT — SỐ THỨ TỰ

DIỆN TÍCH — MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA

TẦNG CAO TỐI ĐA — HỆ SỐ SDĐ TỐI ĐA

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH

B

Mảnh 1

Mảnh 2

QH - 01

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 894/QĐ-UBND NGÀY 26 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 108 /BCTĐ-KTHT NGÀY 22 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THOẢ THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ
KÈM THEO VĂN BẢN THOẢ THUẬN SỐ 1899/SXD-QH NGÀY 14 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
UBND XÃ HOẰNG XUÂN - HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 18 /TTR-UBND NGÀY 18 THÁNG 03 NĂM 2024

CHỦ TỊCH
Lê Hoài Nam

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-01	GHÉP: 2. AO	TỶ LỆ: 1 / 5.000	NĂM 2024
THỂ HIỆN	KTS. BÙI ANH THỊNH		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ XUÂN QUANG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN ĐÌNH VINH		

GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG CÔNG TRUNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIM NGÂN PHÁT
TRỤ SỞ CHÍNH: THÔN 2, XÃ HOẰNG HÀ, HUYỆN HOẰNG HOÁ TỈNH THANH HOÁ

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN, HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ

BẢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐẾN NĂM 2030

STT	Tên công trình dự án trong Quy hoạch	Theo QĐ số 2678/QĐ-UBND ngày 05/11/2021		Dự kiến điều chỉnh đến năm 2030				
		Diện tích (ha)	Thôn	Ký hiệu ô đất	Diện tích (ha)	Định hướng điều chỉnh	Địa điểm	Thôn
1	Xây dựng trụ sở công an xã	0,14	Nghĩa Hương	CAN-01	0,12	Điều chỉnh vị trí, quy mô diện tích	Phía Đông Nam trạm y tế xã	Đại Điền
2	Xây dựng căn cứ quân sự hậu phương	13,37	Tân Khánh	CQP-01	13,37	Giữ nguyên theo QH	Núi chùa	Tân Khánh
3	Quy hoạch xây dựng chợ Vàng	0,40	Đại Điền	DCH-01	0,40	Giữ nguyên theo QH	Thuyền Trong	Đại Điền
4	Mở rộng khu di tích đền thờ Quốc Mẫu	0,40	Nghĩa Hương	TIN-01	0,40	Giữ nguyên theo QH	Bãi Sỏ	Nghĩa Hương
5	Mở rộng trường Mầm non Hoằng Khánh	0,20	Đại Điền	DGD-01	0,20	Giữ nguyên theo QH	Núi chùa	Đại Điền
6	Mở rộng trường THCS Hoằng Khánh cũ	0,49	Đại Điền	DGD-02	0,49	Giữ nguyên theo QH	Chân núi	Đại Điền
7	Mở rộng trường THCS Hoằng Xuân cũ	0,40	Nghĩa Hương	DGD-03	0,40	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Nghĩa Hương
8	QH Khu công viên cây xanh, thể dục thể thao	3,00	Tân Khánh	DKV-01	3,00	Giữ nguyên theo QH	Cầu Quế; La Tô	Tân Khánh
9	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Hoằng Khánh huyện Hoằng Hóa của công ty TNHH Ecotech Thanh Hóa	4,57	Trà La	DRA-01	4,57	Giữ nguyên theo QH	Khu vực giáp Sông Lèn	Trà La
10	Bãi chu chuyển cho các thôn Nghĩa Hương, Mỹ Cầu, Nga Phú 1, Nga Phú 2 và Hậu Khánh.	0,12	Nghĩa Hương	DRA-02	0,12	Giữ nguyên theo QH	Bãi Ngang	Nghĩa Hương
11	QH Nhà điều hành Trạm bơm	0,33	Đại Điền	DTL-01	0,33	Giữ nguyên theo QH	Chợ Cầu Vàng	Đại Điền
12	QH sân thể thao thôn	0,13	Trà Sơn	DTT-06	0,13	Giữ nguyên theo QH	Giữa Đồng	Trà Sơn
13	QH sân thể thao thôn	0,43	Nghĩa Hương	DTT-07	0,57	Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích	Khu công sở cũ	Nghĩa Hương
14	QH sân thể thao thôn	0,20	Mỹ Cầu	DTT-04	0,20	Giữ nguyên theo QH		Mỹ Cầu
15	QH sân thể thao thôn	0,21	Tân Khánh	DTT-01	0,21	Giữ nguyên theo QH	Đồng Giát	Tân Khánh
16	QH sân thể thao thôn	0,20	Kênh Thôn	DTT-02	0,20	Giữ nguyên theo QH	Khu ao trước làng	Kênh Thôn
17	Mở rộng sân thể thao thôn	0,21	Xuân Phú	DTT-03	0,21	Giữ nguyên theo QH	Sau sân thể thao cũ	Xuân Phú
18	QH sân thể thao thôn	0,29	Nga Phú 2	DTT-05	0,29	Giữ nguyên theo QH	Đối diện NVH	Nga Phú 2
19	Khu dân cư nông thôn	0,53	Đại Điền	OM-10	0,53	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Đại Điền
20	QH Nhà văn hoá	0,05	Trà Sơn		0,05	Giữ nguyên theo QH	Giữa Đồng	Trà Sơn
21	QH Nhà văn hoá	0,05	Nghĩa Hương	DVH-03	0,05	Giữ nguyên theo QH	khu công sở cũ	Nghĩa Hương
22	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	1,63	Trà Sơn	NKH-01, NKH-02	1,63	Giữ nguyên theo QH	Gốc, Mám Y Thọt	Trà Sơn
23	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,84	Trà Sơn	NKH-03	0,84	Giữ nguyên theo QH	Đồng Văn	Trà Sơn
24	Trang trại tổng hợp, trồng hoa, cây cảnh, cây ăn quả	0,72	Trà Sơn	NKH-04	0,72	Giữ nguyên theo QH	Đồng Lăng	Trà Sơn
25	Trang trại tổng hợp	23,82	Nghĩa Hương; Nga Phú 1	NKH-05,NKH-06,NKH-07,NKH-08,NKH-09,NKH-10	23,82	Giữ nguyên theo QH	Đồng Quịch - Bàn Cờ	Nghĩa Hương; Nga Phú 1
26	Quy hoạch vùng phát triển trang trại sinh thái	7,12	Mỹ Cầu	NKH-11	7,12	Giữ nguyên theo QH	Cồn Ổi	Mỹ Cầu
27	Mở rộng Nghĩa địa Nga Phú 1, Nga Phú 2, nghĩa Hương	2,57	Nga Phú 1; Nga Phú 2	NTD-03,NTD-04	2,57	Giữ nguyên theo QH	Đồng Kênh	Nga Phú 1; Nga Phú 2
28	Mở rộng nghĩa địa Kênh Thôn	0,50	Kênh Thôn	NTD-01	0,50	Giữ nguyên theo QH	Bãi Ao	Kênh Thôn
29	Mở rộng nghĩa địa Hữu Khánh	0,37	Hữu Khánh	NTD-02	0,37	Giữ nguyên theo QH	Mã Bao	Hữu Khánh
30	Nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng cây ăn quả	16,94	Nga Phú 1; Nga Phú 2; Nghĩa	NTS-01	16,94	Giữ nguyên theo QH	Đồng Lầy	Nga Phú 1; Nga Phú 2;
31	Khu dân cư nông thôn	2,08	Đại Điền	OM-01	2,08	Giữ nguyên theo QH	Mã Nanh	Đại Điền
32	Khu dân cư nông thôn	5,31	Đại Điền	OM-02	2,92	Điều chỉnh ranh giới, quy mô diện tích	Thuyền Trong	Đại Điền
33	Khu dân cư nông thôn	2,23	Đại Điền	OM-03	2,23	Giữ nguyên theo QH	Bắc Kênh N1	Đại Điền
34	Khu dân cư nông thôn	1,59	Tân Khánh	OM-04	1,59	Giữ nguyên theo QH	Cồn Quế	Tân Khánh
35	Khu dân cư nông thôn	6,66	Tân Khánh; Kênh Thôn	OM-05	6,66	Giữ nguyên theo QH	La Tô	Tân Khánh; Kênh Thôn
36	Khu dân cư nông thôn	2,27	Nga Phú 2	OM-06,OM-07	2,27	Giữ nguyên theo QH	Đồng Kênh	Nga Phú 2
37	Khu dân cư nông thôn	1,91	Nga Phú 1	OM-09	4,30	Điều chỉnh vị trí, quy mô diện tích	Bắc kênh N3	Nga Phú 2
38	Khu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,50	Mỹ Cầu	SKC-06	0,50	Giữ nguyên theo QH	Khu đầu làng	Mỹ Cầu
39	Vị trí 2: Từ tiếp Khu vực đồng Trung phía sau nhà máy phân bón Thành Nông	10,78	Nghĩa Hương	SKC-01,SKC-02,SKC-03	10,78	Giữ nguyên theo QH	Đồng Trung	Nghĩa Hương
40	Mở rộng nhà máy nước sạch	1,67	Nghĩa Hương	SKC-04,SKC-05	1,67	Giữ nguyên theo QH	Bờ kênh Nam	Nghĩa Hương
41	Mở rộng khu di tích tâm linh Phủ Vàng	3,00	Đại Điền	DDT-01	3,00	Giữ nguyên theo QH	Núi Chùa	Đại Điền
42	QH Khu TMDV tổng hợp	1,64	Đại Điền	TMD-02	1,64	Giữ nguyên theo QH	Thuyền Trong	Đại Điền
43	QH Khu kinh doanh, thương mại dịch vụ tổng hợp	0,33	Nga Phú 2	TMD-01	0,33	Giữ nguyên theo QH	Giáp đường Kim Xuân	Nga Phú 2

HUYỆN HÀ TRUNG

HUYỆN YÊN ĐỊNH

HUYỆN HẬU LỘC

XÃ HOẰNG PHƯỢNG

XÃ HOẰNG TRUNG

XÃ HOẰNG PHƯỢNG

Đi huyện Thiệu Hoá

Đi xã Hoằng Phượng

Đi xã Hoằng Kim

Đi xã Hoằng Kim

Ranh giới khu công nghiệp

Ranh giới khu công nghiệp

XÃ HOẰNG KIM

SÔNG LÈN

SÔNG MÃ

SÔNG MÃ

THÔN TRÀ LA

THÔN TRÀ SƠN

THÔN ĐẠI ĐIỀN

THÔN TÂN KHÁNH

THÔN KÊNH THÔN

THÔN HỮU KHÁNH

THÔN MỸ CẦU

THÔN NGHĨA HƯƠNG

THÔN NGA PHÚ 1

THÔN NGA PHÚ 2

THÔN XUÂN PHÚ

C ty phân bón Thành Nông

Nhà máy nước sạch

ĐH-01

ĐH-03

ĐH-04

ĐH-05

ĐH-06

ĐH-07

ĐH-08

ĐH-09

ĐH-10

ĐH-11

ĐH-12

ĐH-13

ĐH-14

ĐH-15

ĐH-16

ĐH-17

ĐH-18

ĐH-19

ĐH-20

ĐH-21

ĐH-22

ĐH-23

ĐH-24

ĐH-25

ĐH-26

ĐH-27

ĐH-28

ĐH-29

ĐH-30

ĐH-31

ĐH-32

ĐH-33

ĐH-34

ĐH-35

ĐH-36

ĐH-37

ĐH-38

ĐH-39

ĐH-40

ĐH-41

ĐH-42

ĐH-43

Đồng Bầu

Đồng Lá Sơn

Đồng Gốc và Mám Y Thọt

Đồng Giát

Đồng Ô Gà

Đồng Thuyền Trong

Đồng Bằng Mật

Đồng Cồn Cậu

Đồng Bàn Thờ

Đồng Cồn Quế

Đồng Ao

Đồng Mã Bao

Đồng Kênh

Đồng Mâu

Đồng La Tô

Đồng Bầu

Đồng Kênh

Đồng Kênh

Đồng Bãi Sỏ

Đồng Kênh

Đồng Bãi Ngang

Đồng Quịch

Đồng Quịch

Đồng Bàn Cờ

Đồng Bàn Cờ

Đồng Cồn Ổi

Đồng Lầy

Núi Chùa

Nhà máy nước sạch

BẢNG KÝ HIỆU

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG 2021	QUY HOẠCH NGẮN HẠN 2025	QUY HOẠCH DÀI HẠN 2030	CÁC KÝ HIỆU KHÁC
I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP				THANH GIỚI HẠN 1X
Đất trồng lúa				THANH GIỚI XÃ
Đất trồng cây hàng				ĐƯỜNG KHÁC
Đất trồng cây sản xuất				CẦU, CỐNG QUA ĐƯỜNG
Đất trồng phòng hộ				MẶT CẮT GIAO THÔNG
Đất trồng lâm dụng				HƯỚNG THOÁT NƯỚC
II. ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN				ĐỈNH ĐỊA CAO ĐỘ
Đất nuôi trồng thủy sản				NHÀ VĂN HÓA, TRUNG TÂM, NHÀ HÁT
Đất làm muối				DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
Đất nông nghiệp khác				TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
III. ĐẤT XÂY DỰNG				TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
Đất ở				TRƯỜNG TIỂU HỌC
Đất công cộng				TRƯỜNG TIỂU HỌC
Đất cây xanh, thể dục thể thao				TRẠM Y TẾ
Đất thị giác, danh lam, di tích, tôn giáo				TRẠM BIẾN ÁP 110/35/22 KV
Đất công nghiệp, TTCN, làng nghề				KHU CÔNG NGHIỆP, TIỂU CÔNG NGHIỆP
Đất hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên				TRẠM THU PHÁT SÓNG ĐỘNG
Đất xây dựng cơ sở công nghiệp				THỦ BỘ
IV. Đất hạ tầng kỹ thuật				NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU
Đất xử lý chất thải rắn				
Đất nghĩa trang, nghĩa địa				
Đất hạ tầng kỹ thuật khác				
Đất hạ tầng phục vụ sản xuất				
V. Đất quốc phòng, an ninh				
VI. ĐẤT KHÁC				
Đất sông ngòi, kênh mương, mặt nước chuyên dùng				
Đất khu du lịch				

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:	UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 384 /QĐ-UBND NGÀY 26 THÁNG 03 NĂM 2024
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 108 /BCTĐ-KTHT NGÀY 22 THÁNG 03 NĂM 2024
CƠ QUAN THOẢ THUẬN:	SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ KÈM THEO VĂN BẢN THOẢ THUẬN SỐ 1699/SXD-QH NGÀY 14 THÁNG 03 NĂM 2024
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:	UBND XÃ HOẰNG XUÂN - HUYỆN HOẰNG HOÁ KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 19 /TTR-UBND NGÀY 19 THÁNG 03 NĂM 2024
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:	ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ ĐẾN NĂM 2030
TÊN BẢN VẼ:	SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TOÀN XÃ

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: 2. AO	TỶ LỆ: 1 / 5.000	NĂM 2024
THỂ HIỆN / THIẾT KẾ	KTS. BÙI ANH THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ XUÂN QUANG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN ĐÌNH VINH		

GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG CÔNG TRUNG

CHỦ TỊCH

Lê Hoài Nam

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIM NGÂN PHÁT

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIM NGÂN PHÁT

TRỤ SỞ CHÍNH: THÔN 2, XÃ HOẰNG HÀ, HUYỆN HOẰNG HOÁ TỈNH THANH HOÁ

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN, HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

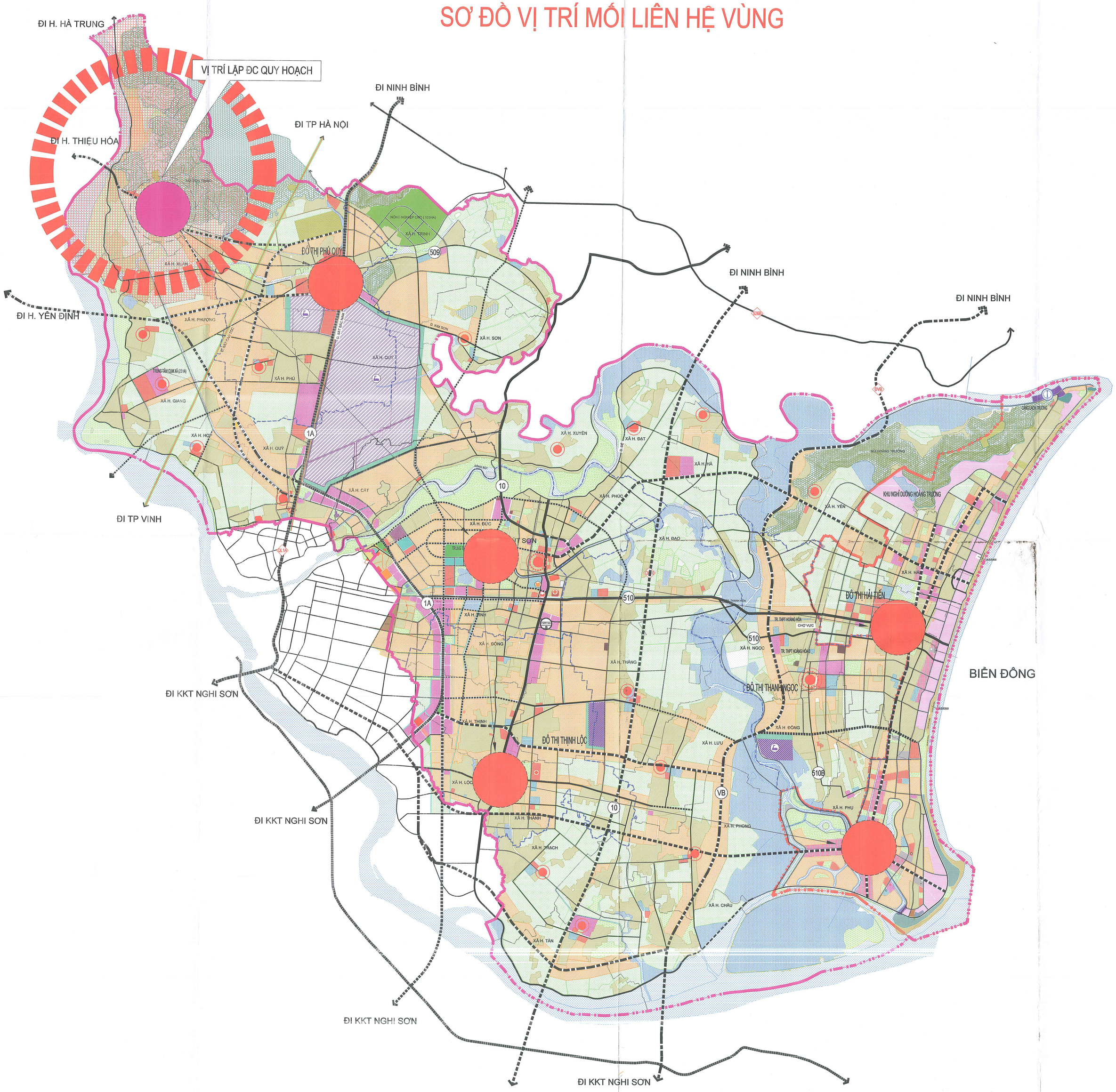

KÝ HIỆU:

- TRUNG TÂM DU LỊCH, NGHỈ DƯỠNG
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM THỂ THAO
- DI TÍCH QUỐC GIA
- KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO
- GA ĐƯỜNG SẮT

CHÚ THÍCH:

- ĐÔ THỊ
- TRUNG TÂM XÃ
- RANH GIỚI ĐÔ THỊ
- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI XÃ, THỊ TRẤN
- ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH
- ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG
- ĐẤT Ở MỚI
- ĐẤT HÀNH CHÍNH, Y TẾ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT DI TÍCH, TÂM LINH
- ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ - CHỢ
- ĐẤT DỊCH VỤ DU LỊCH - NGHỈ DƯỠNG
- ĐẤT HỖN HỢP
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT KINH DOANH
- ĐẤT AN NINH, QUỐC PHÒNG
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM, CÂY LÂU NĂM, ĐẤT NN KHÁC
- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH, CX CẢNH QUAN
- ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG, ĐẤT NÚI ĐÁ
- ĐẤT NGHĨA ĐỊA
- ĐẤT SÔNG, SUỐI, THỦY LỢI, MẶT NƯỚC
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1866/QĐ-UBND NGÀY 25 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: 160 /BCTD-KTHT NGÀY 22 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THOẢ THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ
KÈM THEO VĂN BẢN THOẢ THUẬN SỐ: 1009/SXD-QH NGÀY 14 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
UBND XÃ HOẰNG XUÂN - HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 18 /TTR-UBND NGÀY 18 THÁNG 03 NĂM 2024

CHỦ TỊCH
Lê Hoài Nam

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN
HUYỆN HOẰNG HOÁ ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ MỐI LIÊN HỆ VÙNG

BẢN VẼ: ML.HV	GHÉP: 1. A0	TỶ LỆ: 1 / 25.000	NĂM 2024
THỂ HIỆN	KTS. BÙI ANH THỊNH		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ XUÂN QUANG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN ĐÌNH VINH		

GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG CÔNG TRUNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIM NGÂN PHÁT
TRỤ SỞ CHÍNH: THÔN 2, XÃ HOẰNG HÁ, HUYỆN HOẰNG HOÁ TỈNH THANH HOÁ

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN, HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH

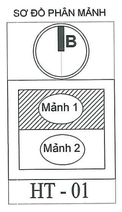

HT - 01

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 XÃ HOẰNG XUÂN

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2020	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	**1,346.02**	**100.00**
1	**Đất nông nghiệp**	**910.14**	**67.62**
1.1	Đất trồng lúa	271.43	20.17
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	128.28	9.53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	34.96	2.60
1.4	Đất rừng phòng hộ		
1.5	Đất rừng đặc dụng		
1.6	Đất rừng sản xuất	465.35	34.57
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	7.52	0.56
1.8	Đất làm muối		
1.9	Đất nông nghiệp khác	2.59	0.19
2	**Đất xây dựng**	**198.06**	**14.71**
2.1	Đất ở tại nông thôn	79.27	5.89
2.2	Đất công cộng	7.88	0.59
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2.00	0.15
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0.28	0.02
2.5	Đất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	6.92	0.51
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác		
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	99.04	7.36
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		
2.10	Đất quốc phòng	2.67	0.20
2.11	Đất an ninh		
3	**Đất khác**	**237.83**	**17.67**
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	171.10	12.71
3.2	Đất có mặt nước chuyên dùng		
3.3	Đất phi nông nghiệp khác		
3.4	Đất chưa sử dụng	66.73	4.96

HUYỆN HÀ TRUNG

HUYỆN YÊN ĐỊNH

HUYỆN THIỆU HOÁ

HUYỆN HẬU LỘC

XÃ HOẰNG TRUNG

XÃ HOẰNG KIM

XÃ HOẰNG PHƯỢNG

SÔNG LÊN

SÔNG MÃ

SÔNG NHỐP

THÔN TRÀ LA

THÔN TRÀ SƠN

THÔN ĐẠI ĐIỀN

THÔN TÂN KHÁNH

THÔN HỮU KHÁNH

THÔN KÊNH THÔN

THÔN XUÂN PHÚ

THÔN MỸ CẦU

THÔN NGHĨA HƯƠNG

THÔN NGA PHÚ 1

THÔN NGA PHÚ 2

TBA - TRẠM BƠM 630 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 1 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 2 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 3 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 4 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 5 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. KHÁNH 6 180 KVA - 10/0.4KV

TBA - TR. THÀNH 180 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. XUÂN 1 320 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. XUÂN 2 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. XUÂN 3 180 KVA - 10/0.4KV

TBA - H. XUÂN 4 250 KVA - 10/0.4KV

TBA - TH. NÔNG 630 KVA - 35/0.4KV

Nhà máy nước sạch

C.ty phân bón Thành Nông

Đi xã Hoằng Kim

Đi xã Hoằng Phượng

MẶT CẮT 1-1 (ĐƯỜNG TRỤC XÃ, LIÊN XÃ)

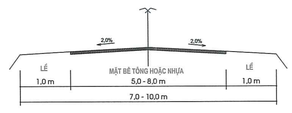

MẶT CẮT 2-2 (ĐƯỜNG TRỤC THÔN, XÓM)

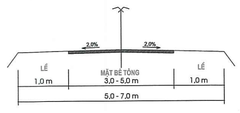

MẶT CẮT 3-3 (ĐƯỜNG TRỤC NGÕ, XÓM)

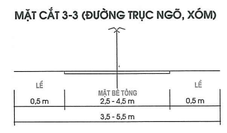

MẶT CẮT 4-4 (ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG)

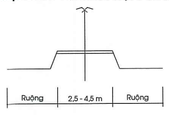

GHI CHÚ:

① UBND XÃ HOẰNG XUÂN
② BƯU ĐIỆN VĂN HÓA XÃ
③ CHỢ XÃ
④ TRẠM Y TẾ XÃ
⑤ TRƯỜNG MẦM NON
⑥ TRƯỜNG TIỂU HỌC
⑦ TRƯỜNG THCS
⑧ SÂN THỂ THAO XÃ
⑨ ĐÀI TƯỞNG NIỆM LIỆT SỸ
⑩ NHÀ VĂN HOÁ THÔN
⑪ SÂN THỂ THAO THÔN

KÝ HIỆU	TÊN KÝ HIỆU
	ĐẤT TRỒNG LÚA
	ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
	ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
	ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG
	ĐẤT NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
	ĐẤT Ở
	ĐẤT TRỤ SỞ UBND XÃ, TRƯỜNG HỌC
	ĐẤT CÔNG CỘNG, NHÀ VĂN HOÁ THÔN
	ĐẤT THỂ THAO
	ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM DI TÍCH,ĐÌNH ĐỀN
	ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
	ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
	ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂU DỰNG XÂY DỰNG
	ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
	ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT
	ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
	ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC CHUYÊN DÙNG
	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
	ĐẤT CÔNG VIÊN, CÂY XANH
	ĐẤT ĐỒI NÚI
22KV	ĐƯỜNG DÂY TRUNG THẾ 22KV
0.4KV	ĐƯỜNG DÂY HẠ THẾ 0,4KV

CÁC KÝ HIỆU KHÁC	
	TRỤ SỞ UBND CẤP XÃ
	ĐÌNH, CHÙA, MIẾU, ĐỀN
	NHÀ THỜ
	TRẠM BIẾN ÁP
	BƯU ĐIỆN
	SÂN VẬN ĐỘNG
	BỆNH VIỆN, TRẠM Y TẾ
	ĐẤT GIÁO DỤC
	TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
	TRƯỜNG TIỂU HỌC
	TRƯỜNG MẦM NON
	TRƯỜNG DẠY NGHỀ
	TRẠM BƠM TƯỚI TIÊU
P	BẾN XE KHÁCH
	CỤM CÔNG NGHIỆP
	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
CV	CÔNG VIÊN CÂY XANH
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG
	ĐƯỜNG NỘI BỘ
	CẦU,CỐNG QUA ĐƯỜNG
	HỒ AO, SÔNG SUỐI
	1672027 TH241Y L238I
313.2	BÌNH ĐỘ, ĐỘ CAO
	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
	ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐIỆN XÃ HOẰNG XUÂN

STT	Trạm biến áp	Công suất (KVA)	Phạm vi phục vụ
1	Hoằng Khánh 1	250	Thôn Trà Sơn
2	Hoằng Khánh 2	250	Thôn Đại Điền
3	Hoằng Khánh 3	250	Thôn Mỹ Cầu
4	Hoằng Khánh 4	250	Thôn Trà La
5	Hoằng Khánh 5	250	Thôn Hữu Khánh
6	Hoằng Khánh 6	180	Thôn Tân Khánh
7	Hoằng Xuân 1	320	Thôn Nghĩa Hương
8	Hoằng Xuân 2	250	Thôn Kênh Thôn
9	Hoằng Xuân 3	250	Thôn Xuân Phú
10	Hoằng Xuân 4	250	Thôn Nga Phú 1; Nga Phú 2
	Tổng số	**2500**	

SƠ ĐỒ PHÂN MẢNH

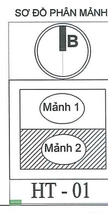

HT - 01

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 360/QĐ-UBND NGÀY 25 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG
KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 100 /BCTD-KTHT NGÀY 22 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN THOẢ THUẬN:
SỞ XÂY DỰNG THANH HOÁ
KÈM THEO VĂN BẢN THOẢ THUẬN SỐ 1699/SXD-QH NGÀY 14 THÁNG 03 NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
UBND XÃ HOẰNG XUÂN - HUYỆN HOẰNG HOÁ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 18/TTTR-UBND NGÀY 18 THÁNG 03 NĂM 2024

CHỦ TỊCH
Lê Hoài Anh

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẰNG XUÂN
HUYỆN HOẰNG HOÁ ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: HT-01	GHÉP: 2. AO	TỶ LỆ: 1 / 5.000	NĂM 2024
THỂ HIỆN	KTS. BÙI ANH THỊNH		
THIẾT KẾ			
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ XUÂN QUANG		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN DINH VINH		

GIÁM ĐỐC
TRƯƠNG CÔNG TRUNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI KIM NGÂN PHÁT
TRỤ SỞ CHÍNH: THÔN 2, XÃ HOẰNG HÀ, HUYỆN HOẰNG HOÁ TỈNH THANH HOÁ

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOÀNG XUÂN, HUYỆN HOẰNG HÓA ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT, MÔI TRƯỜNG; HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

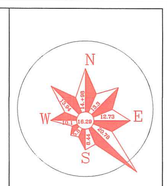

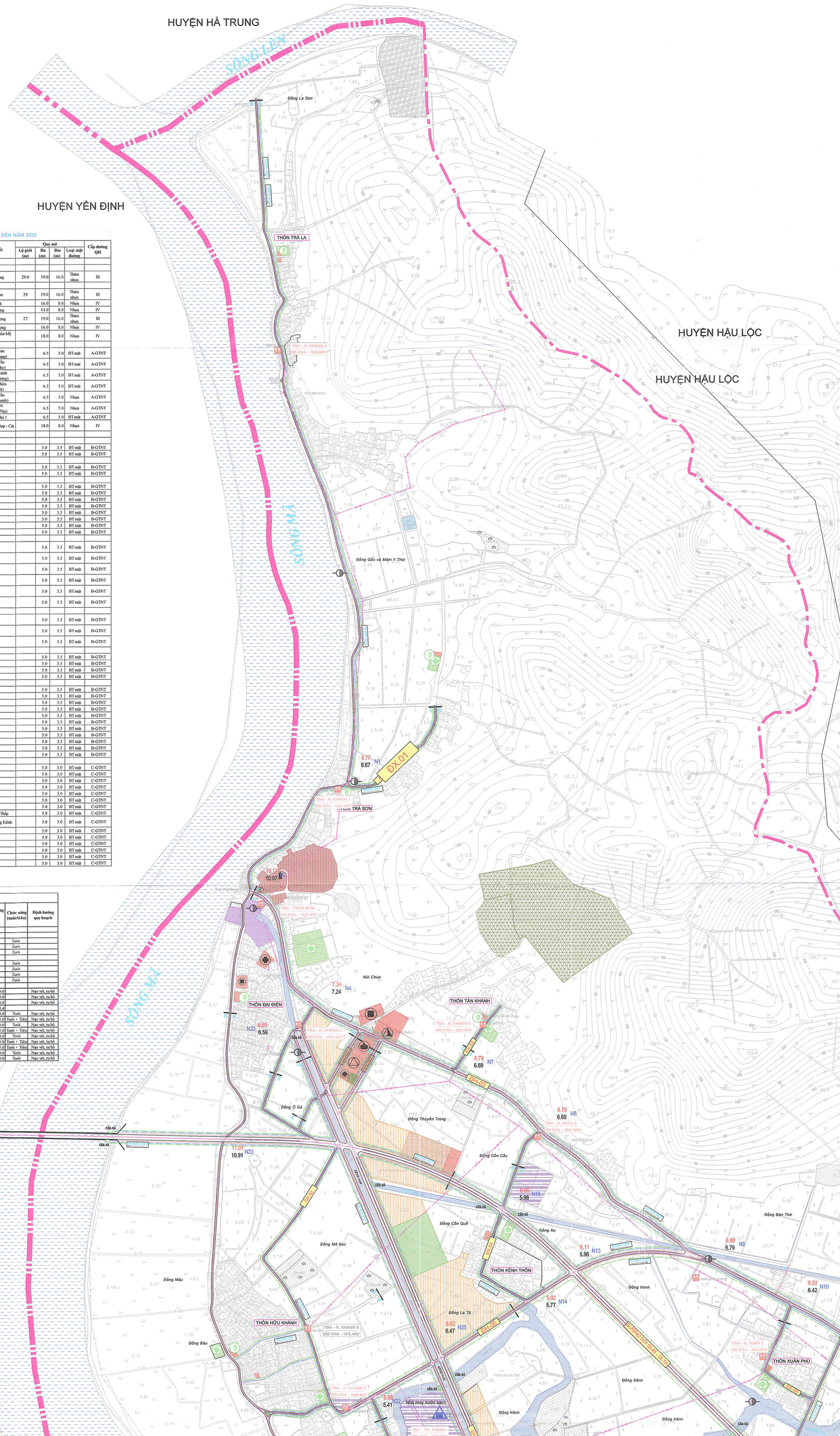

HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÃ HOẰNG XUÂN ĐẾN NĂM 2030

Số TT	Hạng mục Dự kiến	Ký hiệu	Chiều dài (m)	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô Lộ giới (m)	Bn (m)	Bm (m)	Loại mặt đường	Cấp đường QH
	TỔNG SỐ		**24,463**							
I	**ĐƯỜNG TỈNH**		**3,740**							
1	Đường nối QL 45 - QL 1A		3,740	Hoằng Kim	Thiệu Quang	29.0	19.0	16.0	Thâm nhựa	III
I	**ĐƯỜNG HUYỆN**		**10,960**							
1	ĐH-HL04	ĐH.01	1,900	Hoằng Xuân	Hoằng Kim	29	19.0	16.0	Thâm nhựa	III
2	ĐH-HL31	ĐH.02	300	Cầu Vàng	UBND xã		16.0	8.0	Nhựa	IV
3	ĐH-HL02	ĐH.03	2,900	Hoằng Xuân	Hoằng Trung		14.0	8.0	Nhựa	IV
4	Đường Xuân - Hợp - Cát	ĐH.04	2,260	UBND xã Hoằng Xuân	Hoằng Phượng	27	19.0	16.0	Thâm nhựa	III
5	Đường Dọc Kênh Nam	ĐH.05	2,500	Cầu Vàng	Hoằng Phượng		16.0	8.0	Nhựa	IV
6	Đường nối ĐH-HL02 đến Đường Xuân Hợp Cát	ĐH.06	1,100	ĐH-HL02	Sân thể thao thôn Mỹ Cầu		18.0	8.0	Nhựa	IV
II	**ĐƯỜNG XÃ**		**5,410**							
1	Đường Đê sông Mã - thôn Trà Sơn	ĐX.01	750	ĐH-HL02 (Nhà Ông Trường)	thôn Trà Sơn (Nhà Ông Lượng)	6.5	5.0	BT mặt	A-GTNT
2	Đường UBND xã Hoằng Xuân - Thôn Mỹ Cầu	ĐX.02	1,700	UBND xã Hoằng Xuân	thôn Mỹ Cầu (Nhà ông Thọ)	6.5	5.0	BT mặt	A-GTNT
3	Đường ĐH-HL02 - thôn Tân Khánh	ĐX.03	360	ĐH-HL02	thôn Tân Khánh (Nhà Ông Dương)	6.5	5.0	BT mặt	A-GTNT
4	Đường ĐH-HL02 - Kênh thôn - Đường Xuân Hợp Cát	ĐX.04	1,100	ĐH-HL02	thôn Kênh thôn (Nhà Bà Lộ)	6.5	5.0	BT mặt	A-GTNT
5	Đường ĐH-HL04-thôn Mỹ Cầu	ĐX.05	450	ĐH-HL04	thôn Mỹ Cầu (Nhà Ông Thanh)	6.5	5.0	Nhựa	A-GTNT
6	Đường ĐH-HL02-ĐH-HL04 thôn Xuân Phú	ĐX.06	450	ĐH-HL02	ĐH-HL04 (thôn Xuân Phú)	6.5	5.0	Nhựa	A-GTNT
7	Đường ĐH-HL04 -NVH Nga Phú 1	ĐX.07	300	Từ ĐH-HL04	NVH Nga Phú 1	6.5	5.0	BT mặt	A-GTNT
8	Từ đường Trung - Khánh dọc sau UBND xã đến đường Kim - Xuân Kéo dài	ĐX.08	300	Từ ĐH-HL02	Đường Xuân - Hợp - Cát	18.0	8.0	Nhựa	IV
III	**ĐƯỜNG NGÕ XÓM**		**4,094**							
1	**Thôn Đại Điền**		**128**							
-	Ngõ số 02 đường số 05 thôn Đại Điền	ĐD-01	75.0	Ông Hòa	Ông Phối	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 03 đường số 05 thôn Đại Điền	ĐD-02	53.0	Ông Nguyệt	Ông Dinh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
2	**Thôn Kênh Thôn**		**137.0**							
-	Ngõ số 02 đường số 03 Kênh Thôn	KT.01	87.0	Ông Đức	Bà Hiền	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 02 đường số 04 Kênh Thôn	KT.02	50.0	Ông Khăng	Bà Châm	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
3	**Thôn Xuân Phú**		**917.0**							
-	Ngõ số 01 đường số 01 Xuân Phú	XP.01	53.0	Anh Vân	Ông Cấp	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 02 đường số 01 Xuân Phú	XP.02	250.0	Anh Tâm	ông Ao	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 03 đường số 01 Xuân Phú	XP.03	170.0	Anh Vân	Ông Lự	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 04 đường số 01 Xuân Phú	XP.04	123.0	Anh Thanh	Anh Sinh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 05 đường số 01 Xuân Phú	XP.05	94.0	Anh Bản	Anh Vinh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 06 đường số 01 Xuân Phú	XP.06	90.0	Ông Luật	Chị Viên	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 07 đường số 01 Xuân Phú	XP.07	45.0	Anh Đoàn	Anh Bắc	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 08 đường số 01 Xuân Phú	XP.08	92.0	Ông Diễn	Ông Doan	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
4	**Thôn Nga Phú 1**		**812.0**							
-	Ngõ số 01 đường số 03 Nga Phú 1	NP1.01	100.0	Bà Thao	bà Thuộc	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 02 đường số 03 Nga Phú 1	NP1.02	90.0	Ông Hồi	Ông Hội -	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 02 đường số 03 Nga Phú 1	NP1.03	152.0	Bà Lan	Ông Dũng	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 03 đường số 03 Nga Phú 1	NP1.04	100.0	Ông Mông	Ông Quang	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 04 đường số 03 Nga Phú 1	NP1.05	170.0	Bà Sản	Ông Hoàng	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ số 01 đường số 04 Nga Phú 1	NP1.06	200.0	Bà Nga	Ông Vui	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
5	**Thôn Nga Phú 2**		**368.0**							
-	Ngõ 03 đường Kim Xuân Nga Phú 2	NP2.02	150.0	Ông Xuân	Ông Vọng	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường Kim - Xuân Nga Phú 2	NP2.03	68.0	Bà Hải	Ông Phương	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 02 Nga Phú 2	NP2.04	150.0	Ông Oán	Ong Lirn	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
6	**Thôn Mỹ Cầu**		**493.0**							
-	Ngõ 01 đường số 01 Mỹ Cầu	MC.01	170.0	Ông Năm	Ông Trực	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 02 Mỹ Cầu	MC.02	80.0	Ông Lý	bà Chanh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 05 Mỹ Cầu	MC.03	153.0	Anh Tâm	Ông Nghiệh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 02 đường số 05 Mỹ Cầu	MC.04	90.0	Anh Chung	Ông Bảy	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
7	**Thôn Nghĩa Hương**		**1,239.0**							
-	Ngõ 01 đường Kim - Xuân Nghĩa Hương	NH.01	76.0	Ông Lân	Ông Hạnh	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 02 đường Kim - Xuân Nghĩa Hương	NH.02	210.0	Ông Tuyên	Ông Luật	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 03 đường Kim - Xuân Nghĩa Hương	NH.03	100.0	Anh Bình	bà Sách	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 04 đường Kim - Xuân Nghĩa Hương	NH.04	118.0	Bà Dung	Anh Tuấn	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 05 đường Kim - Xuân Nghĩa Hương	NH.05	150.0	Chị Thanh	Anh Việt	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 02 Nghĩa Hương	NH.06	100.0	Ông Nhu	Ông Dũng	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 02 đường số 02 Nghĩa Hương	NH.07	80.0	Ông Hải	Ông Hải	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 03 đường số 02 Nghĩa Hương	NH.08	93.0	Anh Huế	Ông Các	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 04 Nghĩa Hương	NH.09	153.0	Ông Sửa	Ông Cao	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 04 Nghĩa Hương	NH.10	69.0	Ông Thu	Ông Cừ	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
-	Ngõ 01 đường số 04 Nghĩa Hương	NH.11	90.0	Anh Việt	Ông Trọng	5.0	3.5	BT mặt	B-GTNT	
IV	**ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG**		**3,599**							
1	Đa Tân 3	ND.01	230	Từ đường Đa Tân	Ông Vượng	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
2	Đường thôn 3	ND.02	315	Đường đê	Anh Sỹ thôn 3	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
3	Đường nghĩa địa	ND.03	150	Đường nghĩa	Trà sơn	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
4	Đường cải quai	ND.04	183	Ngã 3 bãi cát	Cải quai	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
5	Đường Giữa đồng Trà sơn	ND.05	335	Đường Giữa	Đồng Trà sơn	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
6	Đường đồng xóm	ND.06	146	Đường Giữa	Đồng xóm	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
7	Đường Sâng	ND.07	120	Đường Sâng	Đường Sâng	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
8	Đường Bãi Chùa Thấp	ND.08	150	Bãi Chùa Thấp	Tuyến Bãi Chùa Thấp	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
9	Đường giữa đồng Kênh	ND.09	270	Đường giữa đồng Kênh	Đường giữa đồng Kênh	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
10	Đường Kênh Nam	ND.10	650	Kênh Nam	Vựa phủ 2	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
11	Đường kẹp %	ND.11	120	Đường kẹp %	Đội 5	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
12	Đường bản cờ	ND.12	210	Bản cờ	Đồng Triều	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
13	Đường sông Âu	ND.13	170	Đường giáp	Sông Âu	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
14	Đường bờ sông	ND.14	700	Bờ sông	bản cờ	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	
15	Đường Rông	ND.15	200	Rông	Cầu Đen	5.0	3.0	BT mặt	C-GTNT	

HỆ THỐNG KÊNH MƯƠNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT NĂM 2030

TT	Địa điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Kết cấu Kênh xây, Ống	Kênh đất	Tỷ lệ cứng hoá (%)	Chức năng (tưới/tiêu)	Định hướng quy hoạch
I	**Trạm bơm**	**trạm**						
1	Trạm bơm do Công ty Bắc Sông Mã quản lý							
-	*Trạm bơm Đại Điền 1*	*m3/h*	*1,400*				*Tưới*	
-	*Trạm bơm Đại Điền 2*	*m3/h*	*2,500*				*Tưới*	
-	*Trạm bơm Trà Sơn*	*m3/h*	*1,000*				*Tưới*	
2	Trạm bơm do xã quản lý							
-	*Trạm bơm Xuân Phú 1*	*m3/h*	*1,000*				*Tưới*	
-	*Trạm bơm Xuân Phú 2*	*m3/h*	*1,000*				*Tưới*	
-	*Trạm bơm Mỹ Cầu*	*m3/h*	*1,000*				*Tưới*	
-	*Trạm bơm Trà La*	*m3/h*	*1,000*				*Tưới*	
II	**Kênh xã quản lý**	**m**	**6500.0**					
1	Kênh Nam	m	2800.0	2800.0	0.0	100.0		Nạo vét, tu bổ
2	Kênh N1	m	2500.0	2500.0	0.0	100.0		Nạo vét, tu bổ
3	Kênh N3	m	1200.0	1200.0	0.0	100.0		Nạo vét, tu bổ
III	**Hệ thống kênh chính nội đồng**	**m**	**7734.0**	**6370.4**	**784.4**	**82.4**		
1	Gốc, Mâm y Thợi (Trạm bơm Trà La đi Trà Sơn)	m	572.0	572.0	0.0	100.0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
2	Kênh Đại Điền Hữu Khánh (Cầu Vàng - Hữu Khánh)	m	1456.0	946.4	509.6	65.0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
3	Kênh tưới đông Kênh (Đường Kim – Xuân đ Đồng Xuân Phú)	m	993.0	993.0	0.0	100.0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
4	Kênh Nạp Phú (Nghĩa địa Nạp Phú - Đồng Kênh)	m	785.0	510.3	274.8	65.0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
5	Kênh tưới Xuân Phú (Trạm bơm Xuân Phú - Cầu Mãng)	m	547.0	547.0	0.0	100.0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
6	Đường dọc kênh N1 (Ngã 3 Xuân Phú - Hoằng Trung)	m	725.0	471.3	253.8	65.0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
7	Kênh N3 (Cầu Nạp Phú - Cầu Ba Thanh)	m	930.0	604.5	325.5	65.0	Tưới + Tiêu	Nạo vét, tu bổ
8	Kênh đông Quịch (Kênh Nam - Bản Cờ)	m	1133.0	1133.0	0.0	100.0	Tưới	Nạo vét, tu bổ
9	Kênh ngang (Cầu Ba Thanh - Hoằng Phượng)	m	593.0	593.0	0.0	100.0	Tưới	Nạo vét, tu bổ

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG CẤP ĐIỆN, CẤP THOÁT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	QUY HOẠCH
I	**CÔNG TRÌNH CẤP ĐIỆN**			
1	Trạm Trà La	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
2	Trạm Trà Sơn	Trạm	250KVA	Giữ nguyên
3	Trạm Đại Điền	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
4	Trạm Hữu Khánh	Trạm	180KVA	Nâng cấp lên 250KVA
5	Trạm Tân Khánh	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
6	Trạm Mỹ Cầu	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
7	Trạm Nghĩa Hương	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
8	Trạm Nga Phú 1	Trạm	180KVA	Giữ nguyên
9	Trạm Xuân Phú	Trạm	180KVA	Nâng cấp lên 400KVA
10	Đường dây trung, cao thế	Km	6.8	Giữ nguyên
11	Đường dây hạ thế	Km	16.2	1.6
III	**CÔNG TRÌNH CẤP, THOÁT NƯỚC**			
1	Cống thoát nước BTCT D800	m	20556.3	Mới
2	Cống thoát nước BTCT D600	m	20027.7	Mới
3	Cửa xả D1000	Cái	14	Mới
IV	**CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**			
1	Ống cấp nước HDPE D200	m	14371.6	Mới
3	Ống cấp nước HDPE D150	m	17168.2	Mới

BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Giao thông:
- Các tuyến đường được áp dụng theo mặt cắt 1-1 đến 8-8.

2. Cấp nước:
- Nước cấp cho các điểm dân cư gồm: nước sinh hoạt, nước dùng cho trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan, nước dùng cho chăn nuôi, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp khác
- Mạng lưới đường ống cấp nước: Thiết kế hệ thống cấp nước chính từ trạm cấp tập trung theo các tuyến giao thông đi tới các thôn xóm trên toàn xã.

- Nguồn cấp nước sinh hoạt: Được lấy từ nhà máy nước có vị trí tại thôn Nghĩa Hương.

- Đến năm 2030 sẽ mở rộng quy mô diện tích Nhà máy nước hiện tại (diện tích mở rộng 1,6 ha) và nâng cấp công suất lên 6.500 m^3/ngày đêm để phục vụ cho nhu cầu của nhân dân toàn xã và cung cấp nước sinh hoạt cho các khu vực xung quanh (Khu đô thị Phú Quý v

3. Thoát nước mưa:
- Địa hình có độ dốc nghiêng dần theo hướng Bắc – Nam, chênh lệch cao độ tự nhiên khu vực dân cư từ 2 – 4m. Xã có điều kiện rất thuận lợi để tiêu thoát nước tự nhiên
- Phần lớn lưu lượng nước được thu gom về hệ thống sông Mã và các tuyến mương tiêu thoát trên địa bàn xã

4. Thoát nước:
- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Hoằng Xuân sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung
- Mương dẫn dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thẩm thấu có biện pháp xử lý tri

5. Cấp điện:

- Nguồn điện: cấp cho xã được lấy nguồn từ lưới điện trung áp 10KV

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng

cấp tuyến đường dây trung thế 2,53 km.

- Trạm điện: Giữ nguyên 09 trạm biến áp tổng công suất 2.500 KVA và nâng cấp công suất theo giai đoạn 2:D20 trạm Hữu Khánh lên 250KVA và trạm Xuân Phú lên 400KVA phục vụ nhu cầu của khu vực đến năm 2030 là 2.720 KVA cấp điện cho sinh hoạt, công cộng, sả

6.Hạ tầng viễn thông thụ động:
- Hiện tại trên địa bàn xã đã có 7 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile nằm tập trung ở các thôn Đại Điền (3 TPS); Kênh Thôn (1 TPS); Xuân Phú (1 TPS); Nghĩa Hương (1TPS) và Mỹ Cầu (1TPS). Các trạm phát sóng đã được

- Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

- Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:
+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;
+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;
+ Hạ ngầm cáp

7. Cây xanh:

- Trồng và bố trí cây xanh ở hành lang giao thông chạy dọc hai bên đường: khuôn viên cây xanh, các khu vực công cộng.

BẢNG QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI ĐẾN NĂM 2030

Số TT	Hạng mục	Chiều dài (m)	Định hướng quy hoạch
	TỔNG SỐ	**35.013**	
I	**RÃNH THOÁT DỌC ĐƯỜNG HUYỆN**	**5.1**	
1	ĐH-HL04	1.9	Mương bê tông có nắp đậy
2	ĐH-HL31	300	Mương bê tông có nắp đậy
3	ĐH-HL02	2.9	Mương bê tông có nắp đậy
4	Đường Xuân - Hợp - Cát	2.26	Mương bê tông có nắp đậy
5	Đường Dọc Kênh Nam	2.5	Mương bê tông có nắp đậy
6	Đường nối ĐH-HL02 đến Đường Xuân Hợp Cát	1.1	Mương bê tông có nắp đậy
II	**RÃNH THOÁT DỌC ĐƯỜNG XÃ**	**5.41**	
1	Đường Đê sông Mã - thôn Trà Sơn	750	Mương xây gạch có nắp đậy
2	Đường UBND xã Hoằng Xuân - Thôn Mỹ Cầu	1.7	
3	Đường ĐH-HL02 - thôn Tân Khánh	360	
4	Đường ĐH-HL02 - Kênh thôn - Đường Xuân Hợp Cát	1.1	
5	Đường ĐH-HL04-thôn Mỹ Cầu	450	
6	Đường ĐH-HL02-ĐH-HL04 thôn Xuân Phú	450	
7	Đường ĐH-HL04 -NVH Nga Phú 1	300	
8	Từ đường Trung - Khánh dọc sau UBND xã đến đường Kim - Xuân Kéo dài	300	
III	**RÃNH DỌC ĐƯỜNG THÔN**	**16.675**	
1	**Thôn Đại Điền**	**2.609**	
-	Đường 01 - Thôn Đại Điền	411	
-	Đường 02 - Thôn Đại Điền	350	
-	Đường 03 - Thôn Đại Điền	427	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 05 - Thôn Đại Điền	990	
-	Đường 06 - Thôn Đại Điền	250	
-	Đường 07 - Thôn Đại Điền	176	
2	**Thôn Hữu Khánh**	**2.287**	
-	Đường 01 - Thôn Hữu Khánh	589	
-	Đường 02 - Thôn Hữu Khánh	335	
-	Đường 04 - Thôn Hữu Khánh	256	
-	Đường 05 - Thôn Hữu Khánh	475	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 06 - Thôn Hữu Khánh	352	
-	Đường 07 - Thôn Hữu Khánh	290	
3	**Thôn Kênh Thôn**	**2.185**	
-	Đường 01 - Thôn Kênh Thôn	589	
-	Đường 02 - Thôn Kênh Thôn	733	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 03 - Thôn Kênh Thôn	436	
-	Đường 04 - Thôn Kênh Thôn	427	
4	**Thôn Tân Khánh**	**816**	
-	Đường 01 - Thôn Tân Khánh	253	
-	Đường 03 - Thôn Tân Khánh	263	Mương xây gạch có nắp đậy
5	**Thôn Xuân Phú**	**673**	
-	Đường 01 - Thôn Xuân Phú	250	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 03 - Thôn Xuân Phú	423	
6	**Thôn Nga Phú 1**	**2.163**	
-	Đường 01 - Thôn Nga Phú 1	250	
-	Đường 02 - Thôn Nga Phú 1	450	
-	Đường 03 - Thôn Nga Phú 1	423	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 04 - Thôn Nga Phú 1	267	
-	Đường 05 - Thôn Nga Phú 1	321	
-	Đường 06 - Thôn Nga Phú 1	452	
7	**Thôn Nga Phú 2**	**3.321**	
-	Đường 01 - Thôn Nga Phú 2	370	
-	Đường 02 - Thôn Nga Phú 2	420	
-	Đường 03 - Thôn Nga Phú 2	270	
-	Đường 04 - Thôn Nga Phú 2	260	
-	Đường 05 - Thôn Nga Phú 2	312	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 06 - Thôn Nga Phú 2	450	
-	Đường 07 - Thôn Nga Phú 2	330	
-	Đường 08 - Thôn Nga Phú 2	340	
-	Đường 09 - Thôn Nga Phú 2	276	
-	Đường 10 - Thôn Nga Phú 2	279	
8	**Thôn Mỹ Cầu**	**1.651**	
-	Đường 01- Thôn Mỹ Cầu	369	
-	Đường 02- Thôn Mỹ Cầu	432	
-	Đường 03- Thôn Mỹ Cầu	230	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 04- Thôn Mỹ Cầu	256	
-	Đường 05- Thôn Mỹ Cầu	364	
9	**Thôn Nghĩa Hương**	**1.27**	
-	Đường 01- Thôn Nghĩa Hương	420	
-	Đường 02- Thôn Nghĩa Hương	270	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Đường 03- Thôn Nghĩa Hương	269	
-	Đường 04- Thôn Nghĩa Hương	312	
IV	**RÃNH DỌC ĐƯỜNG NGÕ XÓM**	**7.808**	
1	**Thôn Trà La**	**504**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Trà La	78	
-	Ngõ số 02 đường Trung - Xuân thôn Trà La	68	
-	Ngõ số 04 đường Trung - Xuân thôn Trà La	73	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 01 đường số 01 thôn Trà La	75	
-	Ngõ số 02 đường số 01 thôn Trà La	120	
-	Ngõ số 03 đường số 01 thôn Trà La	92	
2	**Thôn Trà Sơn**	**208.0**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Trà Sơn	56	
-	Ngõ số 02 đường Trung - Xuân thôn Trà Sơn	34	
-	Ngõ số 01 đường số 01 thôn Trà Sơn	75	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 02 đường số 01 thôn Trà Sơn	45	
-	Ngõ số 04 đường số 01 thôn Trà Sơn	56	
3	**Thôn Đại Điền**	**278.0**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Đại Điền	45	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Đại Điền	25	
-	Ngõ số 01 đường số 05 thôn Đại Điền	35	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 02 đường số 05 thôn Đại Điền	75	
-	Ngõ số 03 đường số 05 thôn Đại Điền	53	
-	Ngõ số 01 đường số 07 thôn Đại Điền	42	
4	**Thôn Hữu Khánh**	**513.0**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Hữu Khánh	67	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Hữu Khánh	86	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Hữu Khánh	86	
-	Ngõ số 01 đường số 01 Hữu Khánh	53	
-	Ngõ số 02 đường số 01 thôn Hữu Khánh	57	
-	Ngõ số 01 đường số 02 Hữu Khánh	60	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 02 đường số 02 Hữu Khánh	64	
-	Ngõ số 01 đường số 03 thôn Hữu Khánh	52	
-	Ngõ số 02 đường số 03 Hữu Khánh	86	
-	Ngõ số 04 đường số 03 Hữu Khánh	59	
-	Ngõ số 01 đường số 04 Hữu Khánh	86	
-	Ngõ số 01 đường số 05 Hữu Khánh	81	
5	**Thôn Kênh Thôn**	**878.0**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Kênh Thôn	53	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Kênh Thôn	75	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Kênh Thôn	35	
-	Ngõ số 01 đường số 01 Kênh Thôn	56	
-	Ngõ số 01 đường số 02 Kênh Thôn	64	
-	Ngõ số 03 đường số 02 Kênh Thôn	119	
-	Ngõ số 04 đường số 02 Kênh Thôn	32	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 05 đường số 02 Kênh Thôn	65	
-	Ngõ số 01 đường số 03 Kênh Thôn	86	
-	Ngõ số 02 đường số 03 Kênh Thôn	87	
-	Ngõ số 01 đường số 04 Kênh Thôn	92	
-	Ngõ số 02 đường số 04 Kênh Thôn	50	
-	Ngõ số 03 đường số 04 Kênh Thôn	64	
6	**Thôn Tân Khánh**	**770.0**	
-	Ngõ số 01 đường Trung - Xuân thôn Tân Khánh	65	
-	Ngõ số 02 đường Trung - Xuân thôn Tân Khánh	64	
-	Ngõ số 03 đường Trung - Xuân thôn Tân Khánh	30	
-	Ngõ số 01 đường số 01 Kênh Thôn	56	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 01 đường số 03 Kênh Thôn	86	
-	Ngõ số 01 đường số 03 Kênh Thôn	152	
-	Ngõ số 02 đường số 03 Kênh Thôn	62	
-	Ngõ số 03 đường số 03 Kênh Thôn	215	
7	**Thôn Xuân Phú**	**947.0**	
-	Ngõ số 01 đường số 01 Xuân Phú	53	
-	Ngõ số 02 đường số 01 Xuân Phú	250	
-	Ngõ số 03 đường số 01 Xuân Phú	170	
-	Ngõ số 04 đường số 01 Xuân Phú	123	
-	Ngõ số 05 đường số 01 Xuân Phú	94	Mương xây gạch có nắp đậy
-	Ngõ số 07 đường số 01 Xuân Phú	45	
-	Ngõ số 08 đường số 01 Xuân Phú	92	
-	Ngõ số 09 đường số 01 Xuân Phú	129	
8	**Thôn Nga Phú 1**	**1.232.0**	
-	Ngõ số 01 đường số 02 N